

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 4 - 2024
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Thanh Rục.**

Ông **Bùi Hồng Hiệp.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thu Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Hồng Như** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thanh Q**, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Trương Thanh B**, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thanh Q trình bày:*

Vào năm 2006, bà Trần Thanh Q và ông Trương Thanh B chung sống với nhau đến ngày 22/7/2010 thì đăng ký kết hôn và Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59/2010, quyền số 01/2010 ngày 22/7/2010. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên cãi vã và bắt đầu sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 07/11/2007 và Trương Bảo D1, sinh ngày 20/12/2014, hiện bà Trần Thanh Q đang nuôi dưỡng. Nay bà Trần Thanh Q thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay Bà Trần Thanh Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thanh Q yêu cầu được ly hôn với ông Trương Thanh B.

- Về con chung: Bà Trần Thanh Q yêu cầu nuôi dưỡng Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 07/11/2007 và Trương Bảo D1, sinh ngày 20/12/2014 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Trương Thanh B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thanh Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thanh Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Trần Thanh Q đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Căn cước công dân Trần Thanh Q (Chứng thực);

+ Trích lục khai sinh (bản sao) tên Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 07/11/2007 và Trương Bảo D1, sinh ngày 20/12/2014;

+ Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2010, quyền số 01/2010 ngày 22/7/2010 do Ủy ban nhân dân xã B cấp.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Trương Thanh B. Nhưng ông Trương Thanh B thường xuyên không có mặt tại nhà và không có người nhận thay. Do đó việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Trương Thanh B không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và nguyện vọng của vợ chồng con trong vụ án.

* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thanh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Trương Thanh B, yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 07/11/2007 và Trương Bảo D1, sinh ngày 20/12/2014 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Trương Thanh B phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà Trần Thanh Q xác định

không có, không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Bị đơn ông Trương Thanh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Trần Thanh Q và ông Trương Thanh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thanh Q cho vợ chồng bà Trần Thanh Q ông Trương Thanh B ly hôn. Về con chung giao cho bà Trần Thanh Q trực tiếp nuôi dưỡng và ông Trương Thanh B không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà Trần Thanh Q xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Trần Thanh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 11/9/2023, bà Trần Thanh Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trương Thanh B có nơi cư trú tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Trương Thanh B vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn bà Trần Thanh Q về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2010 bà Trần Thanh Q cùng ông Trương Thanh B kết hôn, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59/2010, quyền số 01/2010 ngày 22/7/2010. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thanh Q và ông Trương

Thanh B là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Trần Thanh Q: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bên gia đình chồng tại ấp Phụng Sơn, xã Song Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng và sau đó vợ chồng về sinh sống tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau thời gian chung sống hạnh phúc vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và hiện tại vẫn còn sống chung nhưng không còn quan tâm đến nhau. Bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nữa. Nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để nhận định rằng đời sống chung của vợ chồng bà Trần Thanh Q ông Trương Thanh B không thể kéo dài được mục đích hôn nhân không thể đạt được. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để cho vợ chồng bà Trần Thanh Q ông Trương Thanh B hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông Trương Thanh B đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc cho ông Trương Thanh B không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Trần Thanh Q. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh Q cho bà Trần Thanh Q được ly hôn với cho ông Trương Thanh B.

[3.3] Về con chung: Bà Trần Thanh Q xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Trần Thanh Q và ông Trương Thanh B có hai người con chung tên Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 07/11/2007 và Trương Bảo D1, sinh ngày 20/12/2014. Hiện nay con chung do bà Trần Thanh Q, ông Trương Thanh B đang trực tiếp nuôi dưỡng ông Trương Thanh B cũng không có ý kiến về việc này.

[3.4] Xét ý kiến của bà Trần Thanh Q về việc ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 07/11/2007 và Trương Bảo D1, sinh ngày 20/12/2014 hiện nay đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 07/11/2007 và Trương Bảo D1, sinh ngày 20/12/2014 đang sống cùng với vợ chồng là bà Trần Thanh Q, Trương Thanh B. Cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống với bà Trần Thanh Q. Ông Trương Thanh B cũng không có ý kiến gì hoặc có tranh chấp về việc này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 07/11/2007 và Trương Bảo D1, sinh ngày 20/12/2014 cho bà Trần Thanh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thanh Q xác định hiện tại có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng nên đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Trương Thanh B phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.6] Bên cạnh đó ông Trương Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thanh Q xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thanh Q xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Trần Thanh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Trần Thanh Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Thanh B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh Q.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh Q được ly hôn với ông Trương Thanh B.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 07/11/2007 và Trương Bảo D1, sinh ngày 20/12/2014 (hiện nay con chung đang sống chung với bà Trần Thanh Q) cho bà Trần Thanh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Trương Thanh B không phải cấp dưỡng cho con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Trương Thanh B mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Bà Trần Thanh Q xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Trần Thanh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thanh Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000579, ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như vậy bà Trần Thanh Q đã thực hiện xong). Ông Trương Thanh B không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thanh Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Thanh B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thái Ngọc